

Tài chính với sự phát triển kinh tế tư nhân

NGUYỄN ĐĂNG NAM

I. KHÁI QUÁT VỀ SỰ PHÁT TRIỂN KTTN TRONG THỜI GIAN QUA

Đối với mọi quốc gia, khu vực KTTN có vai trò hết sức quan trọng trong phát triển kinh tế của đất nước. Đối với Việt Nam, mặc dù trong quá trình phát triển đã trải qua nhiều thăng trầm song bước vào thời kỳ đổi mới KTTN đã được khẳng định là một bộ phận cấu thành, có vị trí quan trọng lâu dài của nền KTTT định hướng XHCN, được Nhà nước tạo điều kiện, giúp đỡ để phát triển và có nhiều đóng góp cho sự phát triển của nền kinh tế.

Nghị quyết Đại hội Đảng IX đã khẳng định: *"Kinh tế cá thể, tiểu chủ cả ở nông thôn và thành thị có vị trí quan trọng lâu dài. Nhà nước tạo điều kiện và giúp đỡ phát triển; khuyến khích các hình thức tổ chức hợp tác tự nguyện, làm vệ tinh cho các doanh nghiệp hoặc phát triển lớn hơn."*

Khuyến khích phát triển kinh tế tư bản tư nhân rộng rãi trong những ngành nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi về chính sách, pháp lý để kinh tế tư bản tư nhân phát triển trên những định hướng ưu tiên của Nhà nước, kể cả đầu tư ra nước ngoài".⁽¹⁾

Quan triệt quan điểm NQ Đại hội IX của Đảng, Hội nghị Trung ương lần thứ 5 khoá IX đã đánh giá tình hình và quyết định phương hướng, giải pháp nhằm tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ KTTN phát triển mạnh mẽ hơn, không hạn chế sự phát triển KTTN ở những ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm, đồng thời hướng dẫn, quản lý hoạt động của KTTN đảm bảo định hướng XHCN của nền kinh tế.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và

bằng sự năng động của mình, KTTN trong 10 năm qua được khuyến khích phát triển dưới nhiều hình thức và có sự phát triển vượt bậc:

- *KTTN có sự tăng trưởng đáng kể về số lượng, phát triển rộng khắp trong cả nước và trong các ngành nghề mà pháp luật không cấm.*

Số hộ kinh doanh cá thể đến năm 2000 là 9,8 triệu hộ với 20,1 triệu lao động. Trong đó có 7,7 triệu hộ nông nghiệp ngoài HTX (với 16,3 triệu lao động) và 2,1 triệu hộ kinh doanh phi nông nghiệp (với 3,8 triệu lao động)⁽²⁾.

Về số lượng doanh nghiệp tư nhân cũng tăng rất nhanh, đặc biệt từ khi thực hiện Luật Doanh nghiệp. Tính từ đầu năm 2000 đến nay đã có trên 36.000 doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ được đăng ký, so với 6.000 doanh nghiệp được đăng ký trong 2 năm trước đó, nâng tổng số lên 70.000 doanh nghiệp, trong đó khoảng 92% thuộc lĩnh vực phi nông nghiệp. Điều đáng lưu ý là có gần 70% những doanh nghiệp vừa và nhỏ mới đăng ký là những tổ chức mới, điều đó cho thấy số đầu tư mới là đáng kể. Dự đoán trong vài năm tới các hoạt động của khu vực tư nhân còn tăng hơn nữa. Điều này cho thấy lòng tin của các nhà đầu tư vào hệ thống chính thức đã được tăng lên đáng kể.⁽³⁾

- Với sự phát triển của mình, KTTN trong những năm qua đã có những đóng góp đáng kể vào tổng sản phẩm trong nước (GDP), tạo việc làm, đóng góp và huy động ngày càng nhiều nguồn vốn trong xã hội vào sản xuất kinh doanh, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy cạnh tranh, góp

Nguyễn Đăng Nam, TS, Viện Khoa học Tài chính.

phần xóa đói giảm nghèo và thực hiện chủ trương xã hội hóa y tế, văn hóa, giáo dục, giữ vững ổn định chính trị xã hội của đất nước. GDP của khu vực KTTN năm 2000 đạt 42,3% GDP của toàn quốc; khoản thu từ KTTN chiếm 14,7% tổng thu ngân sách⁽⁴⁾. Lao động trong khu vực KTTN năm 2000 là trên 21 triệu người, chiếm 56,3% lao động thường xuyên có việc làm trong cả nước. Khu vực tư nhân đã đóng góp 15% vào tăng trưởng công nghiệp từ năm 1995 đến năm 2000 và 43% vào tăng trưởng xuất khẩu trong 2 năm qua.⁽⁵⁾

Sự phát triển KTTN trong thời gian qua là một minh chứng sống động về tính đúng đắn của đường lối phát triển kinh tế nhiều thành phần của Đảng và Nhà nước. Bên cạnh những kết quả trên, *KTTN cũng còn một số hạn chế, tồn tại*. Đó là tình trạng *qui mô kinh doanh nhỏ bé* (trung bình mỗi hộ kinh doanh phi nông nghiệp có số vốn kinh doanh là 29,78 triệu đồng, sử dụng 1,78 lao động; đối với số hộ kinh doanh nông nghiệp cũng có qui mô nhỏ, sử dụng lao động gia đình, mặt bằng canh tác (mặt đất, mặt nước) bình quân chỉ 0,8 ha/hộ; trong các doanh nghiệp thì số doanh nghiệp có dưới 50 lao động chiếm 90,09%, có vốn sử dụng dưới 5 tỷ đồng chiếm 90,01%, bình quân vốn sử dụng một doanh nghiệp chỉ là 3,7 tỷ đồng)⁽⁶⁾; *trình độ công nghệ, quản lý và tay nghề của người lao động còn thấp; uy tín và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp chưa cao; kinh doanh còn thiếu ổn định; tính hợp tác, liên kết và hiệu quả kinh doanh còn thấp*. Nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh còn chưa tuân thủ pháp luật về lao động, còn trốn lậu thuế, làm hàng giả, hàng cấm không đảm bảo về an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường....

Hoạt động kinh doanh của KTTN cũng còn nhiều khó khăn vướng mắc, có thể khái quát trên các mặt chủ yếu: *thiếu vốn kinh doanh, khả năng tích tụ, huy động vốn kinh doanh còn thấp; thiếu mặt bằng sản xuất kinh doanh; môi trường pháp lý và môi*

trường tâm lý xã hội chưa thuận lợi. Đây thực sự đang là những rào cản cần được tháo gỡ để giúp cho KTTN phát triển.

II. CÁC GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KTTN TRONG THỜI GIAN QUA

1. Các giải pháp tài chính khuyến khích phát triển KTTN

Với mục tiêu khuyến khích KTTN phát triển dưới nhiều hình thức và tạo nhiều thuận lợi hơn trong sản xuất kinh doanh, các cơ chế chính sách tài chính trong những năm qua đã có những chuyển biến rõ rệt theo hướng: không phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế; tháo gỡ dần các khó khăn trong sản xuất kinh doanh; quan tâm bảo vệ quyền lợi của cả người lao động và người sử dụng lao động. Những giải pháp tài chính đã được thực hiện theo hướng trên, cụ thể là:

- Sửa đổi Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (năm 1998), thực hiện chính sách ưu đãi đầu tư cho một số ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn đầu tư, kể cả việc đầu tư ra nước ngoài, không phân biệt các thành phần kinh tế.

- Nhà nước cũng cho phép các loại hình doanh nghiệp tư nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có quyền tham gia hợp tác, liên doanh với các công ty nước ngoài tại Việt Nam. Đồng thời cũng cho phép người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở Việt Nam được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp Việt Nam với mức không quá 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp.

- Nhà nước qui định thủ tục đăng ký kinh doanh đơn giản hơn trước cho các doanh nghiệp mới thành lập; bãi bỏ khoảng 160 giấy phép kinh doanh các loại; nhiều ngành nghề không còn qui định mức vốn pháp định.

- Nhà nước đã có những giải pháp tháo gỡ từng bước các khó khăn, vướng mắc về thủ tục đầu tư khi vay vốn tín dụng ưu đãi của

Nhà nước; có chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn, khuyến khích và bảo hộ kinh tế trang trại, phát triển giống thủy sản. Hệ thống ngân hàng đã có những cố gắng tháo gỡ các rào cản trong việc cho vay đối với khu vực KTTN, không có sự phân biệt về thành phần kinh tế. Thực hiện cho vay không phải đảm bảo bằng tài sản đối với chủ trang trại ở nông thôn ở mức dưới 20 triệu đồng; chủ trang trại sản xuất giống thủy sản ở mức dưới 50 triệu đồng.

- Các nhà đầu tư được Nhà nước giao đất có trả tiền sử dụng đất được hưởng ưu đãi về quyền sử dụng đất dưới các hình thức: giảm 50% hay 75% số tiền phải nộp tùy từng trường hợp; miễn nộp tiền sử dụng đất, thuê đất, thuê sử dụng đất đến 15 năm. Trường hợp đặc biệt được miễn nộp tiền thuê đất và thuê sử dụng đất trong suốt thời gian hoạt động dự án.

- Nhà nước thực hiện góp vốn vào các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế thông qua các DNNN hoặc tổ chức tín dụng nhà nước. Nếu dự án của doanh nghiệp có tính khả thi, các quỹ tài chính như quỹ hỗ trợ phát triển, quỹ bảo lãnh tín dụng sẽ cho doanh nghiệp vay vốn lãi suất ưu đãi.

- Nhà nước thành lập các quỹ hỗ trợ phát triển, quỹ bảo lãnh xuất khẩu, quỹ hỗ trợ hoặc khen thưởng xuất khẩu. Các quỹ này bảo lãnh cho vay với lãi suất ưu đãi hoặc tiến hành bảo lãnh tiền vay cho các đối tượng ưu tiên.

- Nhà nước cũng khuyến khích các ngân hàng thương mại cho các doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN vay. Từ ngày 1-6-2002 các ngân hàng thương mại thực hiện cơ chế cho vay theo lãi suất thỏa thuận, đã xóa bỏ hoàn toàn sự phân biệt giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, tuân thủ qui luật quan hệ cung cầu trên thị trường.

- Trong chính sách thuế, về cơ bản không có sự phân biệt đối với các doanh

NGHIỆP TRONG CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ. Cùng với việc ban hành các luật thuế mới, ngành thuế đã có nhiều cải cách hành chính, giảm phiền hà, tạo điều kiện cho các tổ chức và cá nhân kinh doanh trong việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế. Việc ưu đãi trong thuế thu nhập chỉ áp dụng đối với các nhà đầu tư trong những lĩnh vực hoặc địa bàn được ưu đãi.

2. Những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện giải pháp tài chính

Bên cạnh những kết quả trên đây, chính sách cơ chế tài chính đối với việc phát triển KTTN trong thời gian qua cũng còn một số yếu kém, tồn tại:

- Việc tạo điều kiện thuận lợi cho KTTN tiếp nhận đầy đủ, kịp thời các thông tin về chính sách đầu tư và khuyến khích đầu tư của Nhà nước, đặc biệt là những qui định về điều kiện được nhận ưu đãi đầu tư, các dự án đầu tư bằng vốn tín dụng nhà nước, ODA và FDI. Mặt khác sự thay đổi thường xuyên về chính sách thuế nhập khẩu cũng gây bị động và thiệt hại cho người kinh doanh.

- Những khó khăn, trở ngại trong việc vay vốn của KTTN từ các NHTM trước hết do một số qui định chưa hợp lý đối với cả người đi vay và các tổ chức tín dụng, đồng thời cũng có nguyên nhân từ bản thân người đi vay đã làm hạn chế khả năng tiếp cận nguồn vốn vay của các doanh nghiệp tư nhân từ các NHTM và các tổ chức tín dụng. Ví dụ các qui định về tài sản đảm bảo tiền vay theo Nghị định 178/1999/NĐ-CP ngày 29/12/1999 của Chính phủ còn nhiều vướng mắc, còn mang nặng sự định tính, rất khó xác định; việc qui định doanh nghiệp đi vay nếu không có tài sản đảm bảo phải có lãi trong 2 năm liên kế hoặc việc lấy tài sản hình thành bằng vốn vay để đảm bảo vốn vay là không phù hợp với doanh nghiệp mới thành lập, chưa có vay vốn ngân hàng. Khung giá đất của Nhà nước qui định (theo Nghị định 87NĐ-CP ngày 17/8/1994) để định giá bất động sản

là tài sản thế chấp còn chưa phù hợp, chưa được thị trường hóa ...

Về phía doanh nghiệp đó là tình trạng kế toán không minh bạch, các báo cáo tài chính không đầy đủ và chưa được kiểm toán; doanh nghiệp không có tài sản đảm bảo tiền vay; rủi ro tín dụng lớn; các doanh nghiệp thuộc KTTN cũng gặp nhiều khó khăn trong việc thụ hưởng tín dụng ưu đãi, bởi vì không đủ hiểu biết về thủ tục vay và hoàn thiện hồ sơ vay. Ngoài ra các vướng mắc về lãi suất, mức cho vay, đối tượng cho vay, điều kiện thanh toán các khoản vay từ Quỹ hỗ trợ phát triển cũng hạn chế các DNNN nói chung, doanh nghiệp tư nhân nói riêng tiếp cận nguồn vốn này.

- Chính sách về tạo mặt bằng sản xuất - kinh doanh cho các doanh nghiệp cũng còn nhiều điểm bất cập như thủ tục phiền hà, phức tạp. Ví dụ doanh nghiệp phải chuyển sang hình thức thuê đất của Nhà nước đối với diện tích mà họ đang sử dụng để ở hoặc kinh doanh mà bản thân họ đã phải bỏ tiền ra để đền bù, mua lại quyền sử dụng đất; hoặc không được Nhà nước trừ các chi phí đã bỏ ra đối với những diện tích mà người kinh doanh đã bỏ ra để khai hoang, tôn tạo làm mặt bằng kinh doanh nay chuyển sang hình thức thuê đất; việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà gắn liền với đất còn chậm nhiều khi mất cơ hội kinh doanh.

- Một số điểm trong chính sách thuế chưa được qui định cụ thể, rõ ràng làm cho việc thực hiện gặp khó khăn, phức tạp. Ví dụ việc qui định mọi đối tượng nộp thuế GTGT đều phải kê khai nộp thuế hàng tháng là chưa phù hợp với qui mô và trình độ quản lý của một bộ phận khu vực KTTN. Về thuế thu nhập doanh nghiệp, các qui định về tính chi phí khấu hao, chi phí quản lý về cơ bản vẫn dựa vào các định mức đã áp dụng cho các DNNN để vận dụng cho khu vực KTTN cũng hạn chế phần nào quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các cơ sở KTTN. Ngoài ra các qui định như đối với hộ kinh doanh cá

thể không áp dụng trừ chi phí tiền lương cho chủ hộ kinh doanh; hoặc mức thu nhập để được miễn thuế thấp song nếu thu nhập vượt mức đó lại phải nộp thuế tính trên toàn bộ thu nhập là chưa hợp lý.

- Đối với thuế xuất nhập khẩu, các doanh nghiệp thuộc KTTN cũng gặp các khó khăn như các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác như: nhiều trường hợp nhập phụ tùng để sản xuất, lắp ráp trong nước song chịu mức thuế cao hơn nhập sản phẩm nguyên chiếc; nhiều trường hợp không thống nhất giữa hải quan và người nhập khẩu khi áp mã số tính thuế; việc xác định giá tính thuế theo bảng giá tối thiểu còn có tính áp đặt, nhiều khi cao hơn thực tế cũng gây nhiều khó khăn cho doanh nghiệp.

- Nhà nước cũng chưa có qui chế riêng về cơ chế tài chính và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp tư nhân mà đại bộ phận là có qui mô nhỏ và vừa, trình độ quản lý thấp để phục vụ cho quản lý của nhà nước và quản trị kinh doanh của doanh nghiệp. Trên thực tế các cơ quan quản lý Nhà nước còn đang vận dụng nhiều qui định trong cơ chế quản lý tài chính của DNNN để quản lý, kiểm tra tài chính đối với các doanh nghiệp thuộc KTTN. Chế độ kế toán cũng còn chưa thật phù hợp với qui mô và năng lực quản lý của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, chưa trở thành một công cụ quản lý hữu hiệu của chính các doanh nghiệp.

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CÁC GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH THỨC ĐẦY PHÁT TRIỂN KTTN

1. Các quan điểm cơ bản hoàn thiện giải pháp tài chính

Quan triệt tư tưởng chỉ đạo: *Khuyến khích tối đa, không hạn chế sự phát triển rộng rãi của KTTN trong những ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm. Nhà nước định hướng, tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ phát triển và quản lý đối với KTTN theo qui định của pháp luật, bình đẳng đối với mọi thành phần kinh tế.* Phương hướng và giải

pháp tài chính thúc đẩy phát triển KTTN trong thời gian tới cần quán triệt các quan điểm cơ bản là:

- *Một là: các giải pháp tài chính thúc đẩy phát triển KTTN phải là một bộ phận cấu thành trong hệ thống các giải pháp phát triển KTTN ở Việt Nam.*

Cần khẳng định rằng KTTN là một bộ phận cấu thành quan trọng của nền KTĐT định hướng XHCN, vì vậy phát triển KTTN là một vấn đề chiến lược lâu dài. Để phát triển KTTN phải sử dụng tổng hợp các giải pháp kinh tế, hành chính và giáo dục (trong đó giải pháp kinh tế - tài chính là một nội dung trọng yếu). Vì vậy việc xây dựng, hoàn thiện và thực hiện các giải pháp tài chính phải đặt trong tổng thể các giải pháp, có sự phối hợp nhịp nhàng giữa chúng để đảm bảo mục tiêu chung là phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực KTTN.

- *Hai là: chính sách và các giải pháp tài chính phải nhằm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, các rào cản hạn chế sự phát triển của KTTN, đồng thời tăng cường khả năng định hướng, giám sát KTTN vận động, phát triển theo hướng kinh tế thị trường định hướng XHCN.*

Trước mắt các cơ chế chính sách và giải pháp tài chính phải tập trung tháo gỡ các khó khăn về vốn, về tạo mặt bằng cho sản xuất kinh doanh, về hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, thông tin, xúc tiến thương mại, về tạo lập môi trường pháp luật và tâm lý xã hội thuận lợi, thông thoáng cho KTTN phát triển. Mặt khác để hạn chế tính tự phát của KTTN, các chính sách cơ chế tài chính phải đảm bảo khả năng giám sát, định hướng KTTN phát triển.

- *Ba là: các chính sách, giải pháp tài chính phải đảm bảo tính nhất quán và ổn định trong một thời gian nhất định; đồng thời từng bước tiến đến sự bình đẳng, thống nhất giữa các thành phần kinh tế.*

Sự nhất quán và ổn định tương đối của chính sách, cơ chế tài chính sẽ tạo tâm lý tin tưởng và điều kiện thuận lợi cho việc phát

triển của toàn bộ nền kinh tế và khu vực KTTN. Tuy nhiên khi môi trường và điều kiện kinh doanh đã thay đổi lại cần có sự điều chỉnh phù hợp để chính sách, cơ chế tài chính không trở thành rào cản cho sự phát triển. Trước mắt các cơ chế chính sách này có thể còn có sự khác biệt nhất định giữa các thành phần kinh tế, song về lâu dài cần có sự thống nhất, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng cho các doanh nghiệp trong các thành phần kinh tế.

2. Các giải pháp tài chính thúc đẩy phát triển KTTN

2.1. Các giải pháp về vốn, tín dụng: để tạo các điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thuộc thành phần KTTN giải quyết các khó khăn về vốn, cần thực hiện một số giải pháp sau đây:

- *Xóa bỏ tình trạng đối xử không bình đẳng trên thực tế trong vay vốn giữa các doanh nghiệp thuộc thành phần KTTN và các DNNN.* Điều này đòi hỏi sự nỗ lực, cố gắng của cả 2 phía doanh nghiệp và ngân hàng thương mại, sao cho có sự hợp tác chặt chẽ hơn nữa để giải quyết vướng mắc trên. *Đối với các doanh nghiệp:* một mặt phải tìm mọi biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh và năng lực tài chính, đáp ứng ở mức cao nhất các yêu cầu về tài sản thế chấp khi vay vốn để đảm bảo nguyên tắc tín dụng. Mặt khác phải chủ động xây dựng được các dự án, kế hoạch kinh doanh khả thi vì điều này sẽ quyết định sự thành công của doanh nghiệp và bảo toàn được vốn đối với bên cho vay. Các doanh nghiệp phải tạo được uy tín của mình bằng chính khả năng cạnh tranh của sản phẩm doanh nghiệp trên thị trường, bằng tính minh bạch trong sổ sách kế toán, bằng việc sử dụng vốn vay và trả nợ vay đúng hạn.

Đối với các NHTM cần thực sự coi khách hàng, trong đó có các doanh nghiệp thuộc thành phần KTTN là đối tượng phục vụ, là mục đích tự thân của mình, giúp doanh nghiệp xây dựng các dự án khả thi, cùng doanh nghiệp tháo gỡ các khó khăn, nâng

cao khả năng vay vốn và hấp thụ vốn của doanh nghiệp. Các tổ chức tín dụng cũng cần xây dựng chính sách tín dụng phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp; chủ động tìm kiếm các dự án sản xuất kinh doanh khả thi, có hiệu quả và có khả năng trả nợ vay; mở rộng hoạt động tín dụng theo nguyên tắc tự kinh doanh, tự chịu trách nhiệm, bảo toàn và phát triển được vốn; tăng cường khả năng tiếp thị, năng lực thẩm định dự án, đánh giá rủi ro, năng lực kiểm tra và giám sát vốn vay.

- *Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế tín dụng và đảm bảo tiền vay để vừa đáp ứng các yêu cầu phát triển của KTTN, phù hợp với thực trạng xã hội và thị trường.* Trước mắt cơ chế tín dụng và đảm bảo tiền vay cần được bổ sung một số vấn đề sau:

- Bổ sung quyền sử dụng đất là tài sản bảo đảm tín dụng. Các vấn đề thế chấp về giá trị quyền sử dụng đất, phạm vi đảm bảo tiền vay, hợp đồng đảm bảo tiền vay, qui định đảm bảo tiền vay hình thành từ vốn vay cũng cần được xem xét, bổ sung cho phù hợp với điều kiện hiện nay.

- Xúc tiến nhanh việc hình thành Quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (không phân biệt thành phần kinh tế) theo QĐ193/2001/TTg ngày 20/12/2001 về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV để hỗ trợ cho các DNNVV trong các thành phần kinh tế.

- Thiết lập và tăng cường mối quan hệ giữa các doanh nghiệp tư nhân với các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tín dụng phi chính thức (vay người thân, vay của người lao động trong doanh nghiệp, vay của các doanh nghiệp khác...).

- Xúc tiến nhanh việc hình thành thị trường chứng khoán Bảng II (dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa) hoặc thị trường phi tập trung, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tư nhân huy động vốn trên TTCK.

- Đẩy mạnh hoạt động cho thuê tài chính đối với các doanh nghiệp tư nhân thông qua việc đa dạng hóa hoạt động cho thuê; tăng

cường hoạt động tư vấn cho các doanh nghiệp các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ cho thuê tài chính.

2.2. Các giải pháp tài chính tạo điều kiện về mặt bằng cho sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp

Để tháo gỡ các khó khăn đã nêu ở phần trên, tạo điều kiện về mặt bằng sản xuất cho các doanh nghiệp cần sớm thực hiện các giải pháp sau:

- Tháo gỡ các thủ tục vướng mắc để sớm giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các diện tích đất mà các hộ gia đình làm đất ở, đất sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp được Nhà nước giao không thu tiền.

- Sửa đổi các qui định để đất ở đã được cấp quyền sử dụng đất; đất đang làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh hoặc đất doanh nghiệp mua lại bằng quyền sử dụng hoặc đã được giao đất có thu tiền sử dụng đất đều đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâu dài.

- Xóa bỏ qui định người sử dụng đất kinh doanh đã phải trả tiền để được quyền sử dụng đất phải trả thêm tiền thuê đất. Cho phép các doanh nghiệp không phân biệt thành phần kinh tế có quyền góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất vào liên doanh với nước ngoài.

- Hình thành và phát triển thị trường bất động sản, bao gồm cả quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật. Nhà nước thu hồi và đền bù những diện tích đất sử dụng sai mục đích hoặc bỏ hoang để cho các doanh nghiệp thuê làm mặt bằng sản xuất, không yêu cầu cơ sở sản xuất kinh doanh được thuê đất phải tự tiến hành đền bù.

2.3. Chính sách tài chính hỗ trợ doanh nghiệp kinh tế tư nhân về khoa học công nghệ, bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp

Tiến bộ khoa học - công nghệ luôn là một yếu tố quyết định khả năng cạnh tranh của sản phẩm doanh nghiệp trên thị trường. Vì vậy chính sách, giải pháp tài chính cần được thực hiện là:

- Có chính sách xây dựng các trung tâm tư vấn hỗ trợ phát triển KTTN, các trung tâm này sẽ trợ giúp các doanh nghiệp trên các khía cạnh như: bồi dưỡng kiến thức khoa học công nghệ cho các hộ kinh doanh và doanh nghiệp; nâng cao năng lực quản lý điều hành doanh nghiệp; cung cấp thông tin thị trường, mở rộng các hoạt động xúc tiến thương mại; hướng dẫn xây dựng và quản lý dự án đầu tư cho doanh nghiệp....

- Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới, chuyển giao công nghệ; có thuế suất ưu đãi đối với vật tư hàng hóa nhập khẩu cần ưu đãi; cho phép hạch toán chi phí đổi mới, hiện đại hóa công nghệ được tính vào giá thành sản phẩm. Sớm giảm giá dịch vụ viễn thông, internet bằng với mức các nước trong khu vực.

2.4. Các chính sách về thuế, kế toán và kiểm toán

- Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện chính sách thuế theo hướng: đảm bảo sự công bằng và bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; đơn giản, rõ ràng và tạo thuận lợi cho các cơ sở sản xuất kinh doanh; hạn chế phiền hà và tiêu cực.

- Thực hiện nghiêm các luật thuế, chống lạm thu, thất thu thuế; bổ sung các chế tài xử lý các vi phạm và chế độ kế toán, hóa đơn chứng từ. Thực hiện chế độ kê khai nộp thuế GTGT đối với các hộ kinh

doanh đơn giản hơn cho phù hợp với qui mô kinh doanh và trình độ quản lý của họ.

- Hoàn thiện hệ thống thuế suất thuế TNDN theo hướng không phân biệt doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có VĐTNN. rà soát lại các qui định về chi phí hợp lý, hợp lệ phù hợp với thực tế nhằm thúc đẩy KTTN phát triển. Sửa đổi biểu thuế nhập khẩu theo hướng giảm số lượng mức thuế suất, không phân biệt thuế suất theo mục đích sử dụng; mở rộng danh mục hàng hóa nhập khẩu để thuận lợi cho việc áp mã hàng hóa tính thuế.

- Sửa đổi bổ sung chế độ kế toán và báo cáo tài chính cho phù hợp với đặc điểm và trình độ của doanh nghiệp. Mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ kế toán, kiểm toán.

- Nghiên cứu ban hành quy chế quản lý tài chính đối với các DNTN, tạo cơ sở pháp lý giúp cho việc quản lý của Nhà nước và của doanh nghiệp./.

CHÚ THÍCH

- (1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX.
- (2)(6). Tổng cục Thống kê, Tháng 11-2001.
- (3)(5). Báo cáo cập nhật về Kinh tế Việt Nam. WB tại Việt Nam, 2002.
- (4). Tổng cục Thuế, 2001.